



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN NHIÊN LIỆU

Ngày 21/08/2019

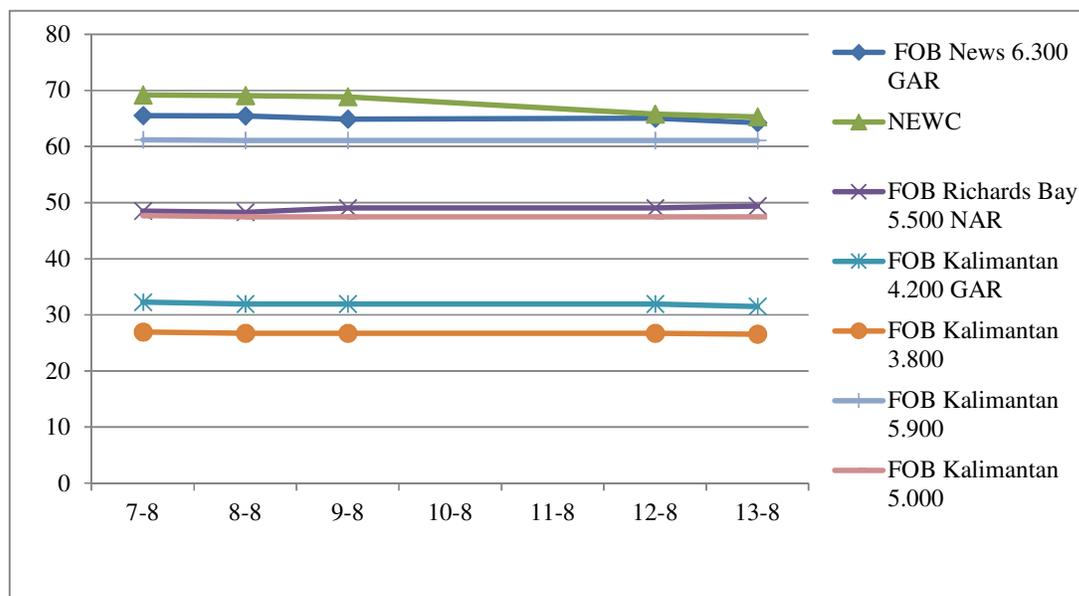
CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Đơn v : USD/tấn

Chỉ số giá than	Theo chuyển	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	64,20	-0,80	N/A	N/A
FOB Newcastle 6.000 NAR	65,30	-0,45	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	49,40	+0,35	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	61,10	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	47,50	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	40,00	+0,00	281,58	+0,06
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	56,00	+0,40	394,21	+2,90
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	62,50	-0,50	439,97	-3,42

THEO CHUYỂN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 13/08/2019)

GIÁ DẦU DO 0,05 S

Chỉ số giá dầu DO quốc tế (hàng tuần)	Giá (USD/lít)	+/-	Chỉ số giá dầu DO trong nước	Giá (VNĐ/lít)	+/-
Trung Quốc	0,90	+0,00	Dầu DO 0,05S - Vùng 1	15.160	+0,00
Malaysia	0,52	+0,00	Dầu DO 0,05S - Vùng 2	15.460	+0,00
Thái Lan	0,85	+0,02	Dầu DO 0,05 S -II - Vùng 1	16.500	+0,00
Hàn Quốc	1,12	+0,01	Dầu DO 0,05 S -II - Vùng 2	16.830	+0,00
Singapore	1,28	+0,01			
Nga	0,68	-0,01			

(Nguồn: https://www.globalpetrolprices.com/diesel_prices/-cập nhật)

ĐIỂM TIN

Chính quyền Queensland kêu gọi đầu tư vào năm khu vực để thăm dò khai thác than

Chính quyền Queensland, Australia đã phát hành gói thầu thăm dò than tại năm khu vực mới trong lưu vực Bowen, từ đó có thể tăng nguồn cung than nhiệt để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của Châu Á trong tương lai. Đây là một phần của kế hoạch giúp tăng nguồn thu cho chính quyền ở khu vực giàu tài nguyên than này. Năm khu vực, có tổng diện tích 458km², nằm ở Moranbah, Blackwater và phía đông nam của Emerald ở Bowen Basin, những khu vực này đã có cơ sở hạ tầng đường sắt và cảng. Ngoài Moranbah, nơi có tiềm năng khai thác than cốc, bốn khu vực khác có tiềm năng khai thác than nhiệt. Một chuyên gia tư vấn Singapore cho biết: “Đây là quy trình thông thường để kêu gọi thuê đất và khai thác. Quá trình thăm dò để xác định trữ lượng sẽ mất nhiều tháng và thậm chí nhiều năm để hoàn thành trước khi các hoạt động khai thác bắt đầu”. Gói thầu được phát hành trong thời điểm các nhà hoạt động môi trường toàn cầu kêu gọi ngừng sử dụng than giữa những tranh cãi xung quanh việc tập đoàn Adani của Ấn Độ khai thác mỏ Carmichael ở Queensland.

Giá than nhiệt giao đường biển ổn định trở lại khi mùa gió chướng tại Ấn Độ kết thúc

Thị trường than Ấn Độ đã có chuyển biến tích cực khi xuất hiện nhu cầu mua than nhiệt vận chuyển đường biển sau mùa gió chướng, mặc dù giá thầu thấp hơn so với kỳ vọng của các chủ mỏ. Theo một công ty thương mại than Ấn Độ: “Nhu cầu của khách hàng Ấn Độ đã tăng lên, nhưng họ vẫn đang chờ thời điểm tối ưu để trở lại thị trường, thêm vào đó họ không có nhu cầu nhập khẩu than khẩn cấp”. Sản lượng thủy điện trong mùa gió chướng (từ tháng 5 đến tháng 9) đã tăng lên 40% trong hỗn hợp năng lượng từ mức 20 - 25% của những tháng khác. Các chủ mỏ than lớn ở miền đông Ấn Độ vẫn gặp khó khăn trong quá trình vận chuyển than nội địa bằng đường sắt đến miền tây và miền nam Ấn Độ, mặc dù nguồn cung than nội địa đang rất dồi dào.

Một chủ mỏ than Indonesia đã ghi nhận nhu cầu mua than vận chuyển đường biển từ Ấn Độ gia tăng, đặc biệt là đối với than Indonesia 3.400 kcal/kg GAR và 4.200 kcal/kg GAR. Mùa gió chướng tại Ấn Độ, là nguyên nhân khiến nhu cầu tiêu thụ than tại đây giảm 10 - 15% so với thông thường, sắp kết thúc. Theo số liệu từ Cơ quan Điện lực Trung ương Ấn Độ, lượng than dự trữ tại các NMNĐ của nước này cuối tháng 7 ở mức 24,7 triệu tấn, đủ dùng trong khoảng 14,4 ngày, tương đương với tuần trước đó. Một số khách hàng Ấn Độ cho biết đã đàm phán mức giá cho than Nam Phi 5.500 kcal/kg NAR bốc hàng trong tháng 8, tháng 9 và than 4.800 kcal/kg NAR lần lượt thấp hơn 7 - 7,5 USD/tấn và 10 - 11 USD/tấn so với giá than tham chiếu 6.000 kcal/kg NAR trong bối cảnh nguồn cung tăng dần. Giá chào cho than Mỹ 6.900 kcal/kg NAR đã giảm nhẹ còn 46 - 47 USD/tấn FOB, tuy nhiên loại than này đã mất khả năng cạnh tranh về giá do quãng đường vận chuyển dài. Giá thầu cho than 3.800 kcal/kg NAR ở mức 33 USD/tấn FOB Kalimantan trên tàu có cầu tại thị trường Ấn Độ.

Giá than Kalimantan nhiệt trị thấp tiếp tục giảm do tiền mất giá và bất ổn thương mại

Giá than nhiệt Indonesia và Úc vận chuyển đường biển đã giảm mạnh trong tháng này do bóng đen bao trùm lên thị trường tiền tệ toàn cầu và tạo áp lực giảm giá trên thị trường Châu Á. Tập đoàn điện lực Huaneng, Trung Quốc đã trao gói thầu mua than Indonesia 3.000 kcal/kg NAR với giá 325 NDT/tấn, CIF đông nam Trung Quốc giao trên tàu Panamax, và 332,5 NDT/tấn, CIF đông Trung Quốc giao trên hai tàu Supramax. Ước tính giá theo điều kiện FOB Kalimantan cho gói thầu này ở mức 32,50 USD/tấn giao trên tàu Panamax.

Trên thị trường giao lẻ, giá chào cho than Indonesia 3.800 kcal/kg NAR giao trên tàu không cầu ở mức 34 USD/tấn FOB Kalimantan, trong khi giá thầu ở mức 32 - 32,50 USD/tấn trên thị trường Trung Quốc. Giá chào hiện đang cao hơn khoảng 1 USD/tấn so với tổng chi phí của các công ty khai thác than lớn ở Indonesia. Hiện tại không có khách hàng nào sẵn sàng trả trên 32,50 USD/tấn cho than 3.800 kcal/kg NAR giao trên tàu Panamax do sự biến động của tỷ giá hối đoái. Giá thầu thậm chí còn thấp hơn để thu được lợi nhuận từ việc cạnh tranh giá và thấp hơn rất nhiều so với kỳ vọng của thị trường. Huaneng cũng đã trao một gói thầu mua than Indonesia 4.200 kcal/kg NAR giao trên tàu Supramax với giá khoảng 380 NDT/tấn CIF đông Trung Quốc, và một gói thầu mua than Indonesia 4.700 kcal/kg NAR giao trên tàu Supramax với giá khoảng 447,7 NDT/tấn CIF nam Trung Quốc. Tất cả giá thầu của Huaneng đã bao gồm thuế VAT 13% và tỷ giá hối đoái khoảng 7,03 NDT đổi 1 USD.

(Nguồn: S&P Global Platts)

VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị : USD/tấn
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	12,15	+1,25
	Queensland	Nhật Bản	13,95	+1,50
	New South Wales	Hàn Quốc	14,95	+1,50
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	14,65	+0,25
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,50	+0,25
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	14,90	+0,25
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,10	+0,25
	Australia	Trung Quốc	13,90	+0,90
	Australia	Ấn Độ	14,50	+0,80

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 13/08/2019)